

Số: 2967/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2026

TT ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG  
**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số:.....

Ngày.....6...../.....7...../2026.....

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

### BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ký các văn bản giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động đánh giá sự phù hợp; xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Chỉ định Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 – Tòa nhà Cục Viễn thông, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.39436608

Fax: 024.37820998

E-mail: [hdluong@vnta.gov.vn](mailto:hdluong@vnta.gov.vn)

Thực hiện việc **thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng** (Phạm vi được chỉ định theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực đến ngày 14/05/2031 và thay thế Quyết định số 2449/QĐ-BKHCN ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 3.** Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông có trách nhiệm duy trì năng lực theo quy định của pháp luật đối với tổ chức thử nghiệm đã đăng ký lĩnh vực hoạt động và tổ chức thử nghiệm được chỉ định; chỉ thực hiện hoạt động thử nghiệm trong phạm vi được chỉ định khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm còn hiệu lực; thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp, Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);
- Chủ tịch Nguyễn Nam Hải;
- Phó Chủ tịch Trần Đăng Khoa;
- Lưu: VT, TĐC (5).

**TUQ. BỘ TRƯỞNG  
CHỦ TỊCH  
ỦY BAN TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



Nguyễn Nam Hải



## Phụ lục

### PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2967/QĐ-BKHCN** ngày **28/6/2026** của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Phòng thử nghiệm tại Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Cục Viễn thông, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                               | Tên phép thử                                     | Phương pháp thử    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|
| 1.  | Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự            | Thử nghiệm sai số tần số                         | QCVN 37:2018/BTTTT |
| 2.  |                                                                                      | Thử nghiệm độ lệch tần số cho phép cực đại       |                    |
| 3.  |                                                                                      | Thử nghiệm công suất kênh lân cận và kênh xen kẽ |                    |
| 4.  |                                                                                      | Thử nghiệm hoạt động thoại của máy phát          |                    |
| 5.  |                                                                                      | Thử nghiệm thời gian truyền lớn nhất             |                    |
| 6.  |                                                                                      | Thử nghiệm triệt nhiễu đồng kênh                 |                    |
| 7.  |                                                                                      | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận              |                    |
| 8.  |                                                                                      | Thử nghiệm triệt đáp ứng xuyên điều chế          |                    |
| 9.  | Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại) | Thử nghiệm sai số tần số                         | QCVN 42:2011/BTTTT |
| 10. |                                                                                      | Thử nghiệm công suất sóng mang (dẫn)             |                    |
| 11. |                                                                                      | Thử nghiệm công suất kênh lân cận                |                    |
| 12. |                                                                                      | Thử nghiệm phát xạ giả                           |                    |
| 13. |                                                                                      | Thử nghiệm suy hao xuyên điều chế                |                    |
| 14. |                                                                                      | Thử nghiệm thời gian kích hoạt máy phát          |                    |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                               | Tên phép thử                               | Phương pháp thử    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|
| 15. | Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại) | Thử nghiệm thời gian khởi hoạt máy phát    | QCVN 42:2011/BTTTT |
| 16. |                                                                                      | Thử nghiệm quá độ của máy phát             |                    |
| 17. |                                                                                      | Thử nghiệm độ nhạy (số liệu hoặc bản tin)  |                    |
| 18. |                                                                                      | Thử nghiệm triệt nhiễu đồng kênh           |                    |
| 19. |                                                                                      | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận        |                    |
| 20. |                                                                                      | Thử nghiệm triệt đáp ứng giả               |                    |
| 21. |                                                                                      | Thử nghiệm triệt đáp ứng xuyên điều chế    |                    |
| 22. |                                                                                      | Thử nghiệm nghẹt                           |                    |
| 23. |                                                                                      | Thử nghiệm giảm nhạy máy thu               |                    |
| 24. |                                                                                      | Thử nghiệm triệt đáp ứng giả máy thu       |                    |
| 25. | Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự            | Thử nghiệm sai số tần số                   | QCVN 43:2011/BTTTT |
| 26. |                                                                                      | Thử nghiệm công suất sóng mang (dẫn)       |                    |
| 27. |                                                                                      | Thử nghiệm độ lệch tần số                  |                    |
| 28. |                                                                                      | Thử nghiệm công suất kênh lân cận          |                    |
| 29. |                                                                                      | Thử nghiệm phát xạ giả                     |                    |
| 30. |                                                                                      | Thử nghiệm suy hao xuyên điều chế          |                    |
| 31. |                                                                                      | Thử nghiệm đặc điểm tần số quá độ máy phát |                    |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                             | Tên phép thử                                           | Phương pháp thử    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------|
| 32. | Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự          | Thử nghiệm độ nhạy khả dụng cực đại (dẫn)              | QCVN 43:2011/BTTTT |
| 33. |                                                                                    | Thử nghiệm triệt nhiễu đồng kênh                       |                    |
| 34. |                                                                                    | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận                    |                    |
| 35. |                                                                                    | Thử nghiệm triệt đáp ứng giả                           |                    |
| 36. |                                                                                    | Thử nghiệm triệt đáp ứng xuyên điều chế                |                    |
| 37. |                                                                                    | Thử nghiệm nghẹt                                       |                    |
| 38. |                                                                                    | Thử nghiệm yêu cầu cho máy thu hoạt động song công     |                    |
| 39. | Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu và thoại | Thử nghiệm sai số tần số                               | QCVN 44:2018/BTTTT |
| 40. |                                                                                    | Thử nghiệm công suất kênh lân cận và kênh khác         |                    |
| 41. |                                                                                    | Thử nghiệm thời gian kích hoạt máy phát                |                    |
| 42. |                                                                                    | Thử nghiệm thời gian khử hoạt máy phát                 |                    |
| 43. |                                                                                    | Thử nghiệm tác động quá độ của máy phát                |                    |
| 44. |                                                                                    | Thử nghiệm tác động lỗi khi tín hiệu đầu vào ở mức cao |                    |
| 45. |                                                                                    | Thử nghiệm triệt nhiễu đồng kênh                       |                    |
| 46. |                                                                                    | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận                    |                    |
| 47. |                                                                                    | Thử nghiệm triệt đáp ứng xuyên điều chế                |                    |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                                    | Tên phép thử                                                                | Phương pháp thử    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 48. | Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện hoạt động trong dải tần số từ 9 kHz đến 30 GHz | Thử nghiệm dung sai tần số                                                  | QCVN 47:2015/BTTTT |
| 49. |                                                                                           | Thử nghiệm phát xạ giả                                                      |                    |
| 50. |                                                                                           | Thử nghiệm phát xạ ngoài băng                                               |                    |
| 51. |                                                                                           | Thử nghiệm băng thông chiếm dụng                                            |                    |
| 52. | Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz                        | Thử nghiệm công suất phát RF                                                | QCVN 54:2020/BTTTT |
| 53. |                                                                                           | Thử nghiệm mật độ phổ công suất (thiết bị khác FHSS)                        |                    |
| 54. |                                                                                           | Thử nghiệm chu kỳ làm việc, chuỗi phát, khoảng ngừng phát                   |                    |
| 55. |                                                                                           | Thử nghiệm thời gian truyền tích lũy, chuỗi nhảy tần và chiếm giữ tần số    |                    |
| 56. |                                                                                           | Thử nghiệm khoảng nhảy tần (thiết bị FHSS)                                  |                    |
| 57. |                                                                                           | Thử nghiệm hệ số sử dụng môi trường                                         |                    |
| 58. |                                                                                           | Thử nghiệm khả năng thích nghi của thiết bị FHSS thích nghi                 |                    |
| 59. |                                                                                           | Thử nghiệm băng thông kênh chiếm dụng                                       |                    |
| 60. |                                                                                           | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong miền ngoài băng (dẫn) |                    |
| 61. |                                                                                           | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong miền giả (dẫn)        |                    |

| STT | Tên sản phẩm,<br>hàng hóa                                                                                                | Tên phép thử                                                                       | Phương pháp thử    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 62. | Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz                                                       | Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu (dẫn)                                           | QCVN 54:2020/BTTTT |
| 63. |                                                                                                                          | Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu                                               |                    |
| 64. |                                                                                                                          | Thử nghiệm khả năng thích nghi của thiết bị khác FHSS                              |                    |
| 65. |                                                                                                                          | Kiểm tra khả năng định vị vị trí địa lý                                            |                    |
| 66. | Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz đến 25 MHz và thiết bị vòng từ hoạt động trong dải tần từ 9 kHz đến 30 MHz | Thử nghiệm phân loại máy phát                                                      | QCVN 55:2023/BTTTT |
| 67. |                                                                                                                          | Thử nghiệm dòng sóng mang RF                                                       |                    |
| 68. |                                                                                                                          | Thử nghiệm dải tần được cho phép hoạt động                                         |                    |
| 69. |                                                                                                                          | Thử nghiệm dải tần hoạt động                                                       |                    |
| 70. |                                                                                                                          | Thử nghiệm băng thông điều chế                                                     |                    |
| 71. |                                                                                                                          | Thử nghiệm phát xạ giả dẫn của máy phát                                            |                    |
| 72. |                                                                                                                          | Thử nghiệm độ ổn định tần số máy phát                                              |                    |
| 73. |                                                                                                                          | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận                                                |                    |
| 74. |                                                                                                                          | Thử nghiệm đặc tính chặn hay mức giảm độ nhạy thu đối với tín hiệu không mong muốn |                    |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                     | Tên phép thử                                                                 | Phương pháp thử    |
|-----|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 75. | Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2 | Kiểm tra yêu cầu thu và giải mã tín hiệu                                     | QCVN 63:2020/BTTTT |
| 76. |                                            | Kiểm tra yêu cầu về nguồn điện đối với STB                                   |                    |
| 77. |                                            | Thử nghiệm nâng cấp phần mềm                                                 |                    |
| 78. |                                            | Thử nghiệm hiển thị chỉ thị chất lượng tín hiệu và chỉ thị cường độ tín hiệu |                    |
| 79. |                                            | Thử nghiệm thông tin dịch vụ                                                 |                    |
| 80. |                                            | Thử nghiệm bộ quản lý chương trình                                           |                    |
| 81. |                                            | Thử nghiệm phụ đề                                                            |                    |
| 82. |                                            | Thử nghiệm đánh số kênh logic                                                |                    |
| 83. |                                            | Kiểm tra cổng kết nối đầu vào RF                                             |                    |
| 84. |                                            | Kiểm tra HDMI                                                                |                    |
| 85. |                                            | Kiểm tra đầu ra video tổng hợp                                               |                    |
| 86. |                                            | Kiểm tra giao diện âm thanh RCA                                              |                    |
| 87. |                                            | Kiểm tra giao diện hỗ trợ truy nhập có điều kiện                             |                    |
| 88. |                                            | Thử nghiệm tần số và băng thông kênh                                         |                    |
| 89. |                                            | Thử nghiệm băng thông tín hiệu                                               |                    |
| 90. |                                            | Thử nghiệm các chế độ RF                                                     |                    |
| 91. |                                            | Thử nghiệm hỗ trợ Multi PLP                                                  |                    |
| 92. |                                            | Thử nghiệm hỗ trợ Multi PLP và Common PLP                                    |                    |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                     | Tên phép thử                                                                      | Phương pháp thử    |
|------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 93.  | Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2 | Thử nghiệm hỗ trợ Normal Mode                                                     | QCVN 63:2020/BTTTT |
| 94.  |                                            | Thử nghiệm khả năng thích ứng khi thay đổi các tham số điều chế                   |                    |
| 95.  |                                            | Thử nghiệm yêu cầu C/N đối với kênh Gauss                                         |                    |
| 96.  |                                            | Thử nghiệm yêu cầu C/N đối với kênh vòm 0 dB                                      |                    |
| 97.  |                                            | Thử nghiệm mức tín hiệu tối thiểu đầu vào thiết bị thu trên kênh Gauss            |                    |
| 98.  |                                            | Thử nghiệm mức tín hiệu tối thiểu đầu vào thiết bị thu trên kênh vòm 0 dB         |                    |
| 99.  |                                            | Thử nghiệm hệ số tạp âm (NF) trên kênh Gauss                                      |                    |
| 100. |                                            | Thử nghiệm mức tín hiệu đầu vào tối đa                                            |                    |
| 101. |                                            | Thử nghiệm khả năng chống nhiễu đối với các tín hiệu tương tự trong các kênh khác |                    |
| 102. |                                            | Thử nghiệm khả năng chống nhiễu đối với các tín hiệu số trên các kênh khác        |                    |
| 103. |                                            | Thử nghiệm khả năng chống nhiễu đồng kênh từ các tín hiệu TV tương tự             |                    |
| 104. |                                            | Thử nghiệm khả năng chống nhiễu đối với tín hiệu LTE 700 MHz trên các kênh khác   |                    |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                     | Tên phép thử                                                                      | Phương pháp thử    |
|------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 105. | Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2 | Thử nghiệm yêu cầu C/(N+I) khi có nhiễu trong khoảng bảo vệ trong mạng SFN        | QCVN 63:2020/BTTTT |
| 106. |                                            | Thử nghiệm yêu cầu C/(N+I) khi có nhiễu ngoài khoảng bảo vệ trong mạng SFN        |                    |
| 107. |                                            | Thử nghiệm bộ giải ghép MPEG                                                      |                    |
| 108. |                                            | Thử nghiệm bộ giải mã video                                                       |                    |
| 109. |                                            | Thử nghiệm bộ giải mã audio                                                       |                    |
| 110. | Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz | Thử nghiệm tần số trung tâm danh định                                             | QCVN 65:2021/BTTTT |
| 111. |                                            | Thử nghiệm băng thông kênh danh định và băng thông kênh chiếm dụng                |                    |
| 112. |                                            | Thử nghiệm công suất phát RF, điều khiển công suất phát (TPC) và mật độ công suất |                    |
| 113. |                                            | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn ngoài băng tần RLAN 5 GHz (dẫn)                |                    |
| 114. |                                            | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong băng tần RLAN 5 GHz (dẫn)   |                    |
| 115. |                                            | Thử nghiệm phát xạ giả máy thu (dẫn)                                              |                    |
| 116. |                                            | Thử nghiệm lựa chọn tần số động DFS                                               |                    |
| 117. |                                            | Thử nghiệm đặc tính chặn máy thu                                                  |                    |

| STT  | Tên sản phẩm,<br>hàng hóa                                 | Tên phép thử                                                      | Phương pháp thử    |
|------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 118. | Thiết bị vô tuyến<br>cự ly ngắn dải tần<br>25 MHz - 1 GHz | Thử nghiệm sai số tần số                                          | QCVN 73:2013/BTTTT |
| 119. |                                                           | Thử nghiệm công suất<br>trung bình (dẫn)                          |                    |
| 120. |                                                           | Thử nghiệm điều chế trải<br>phổ                                   |                    |
| 121. |                                                           | Thử nghiệm công suất<br>kênh liền kề                              |                    |
| 122. |                                                           | Thử nghiệm độ rộng băng<br>tần điều chế                           |                    |
| 123. |                                                           | Thử nghiệm phát xạ không<br>mong muốn trong miền giả              |                    |
| 124. |                                                           | Thử nghiệm độ ổn định tần<br>số dưới các điều kiện của<br>điện áp |                    |
| 125. |                                                           | Thử nghiệm chu kỳ hoạt<br>động                                    |                    |
| 126. |                                                           | Thử nghiệm bộ định thời                                           |                    |
| 127. |                                                           | Thử nghiệm độ nhạy máy<br>thu                                     |                    |
| 128. |                                                           | Thử nghiệm ngưỡng LBT<br>của thiết bị thu                         |                    |
| 129. |                                                           | Thử nghiệm độ chọn lọc<br>kênh liền kề                            |                    |
| 130. |                                                           | Thử nghiệm nghẹt                                                  |                    |
| 131. |                                                           | Thử nghiệm triệt đáp ứng<br>giả                                   |                    |
| 132. |                                                           | Thử nghiệm phát xạ giả<br>máy thu                                 |                    |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                     | Tên phép thử                                          | Phương pháp thử     |
|------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|
| 133. | Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn băng tần 1 GHz - 30 GHz       | Thử nghiệm phạm vi các tần số hoạt động được cho phép | QCVN 74:2020/BTTTT  |
| 134. |                                                            | Thử nghiệm các phát xạ không mong muốn trong vùng giả |                     |
| 135. |                                                            | Thử nghiệm chu kỳ hoạt động                           |                     |
| 136. |                                                            | Thử nghiệm những yêu cầu bổ sung cho thiết bị FHSS    |                     |
| 137. |                                                            | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận                   |                     |
| 138. |                                                            | Thử nghiệm độ chặn                                    |                     |
| 139. | Về thiết bị âm thanh không dây dải tần 25 MHz đến 2000 MHz | Thử nghiệm sai số tần số                              | QCVN 91:2015/BTTTT  |
| 140. |                                                            | Thử nghiệm phát xạ giả                                |                     |
| 141. |                                                            | Thử nghiệm băng thông kênh                            |                     |
| 142. |                                                            | Thử nghiệm khóa đóng tắt máy phát âm thanh không dây  |                     |
| 143. | Pin Lithium cho thiết bị cầm tay                           | Kiểm tra về các điện cực                              | QCVN 101:2020/BTTTT |
| 144. |                                                            | Kiểm tra về cảm quan                                  |                     |
| 145. |                                                            | Kiểm tra về ký hiệu và nhãn mác                       |                     |
| 146. |                                                            | Kiểm tra về yêu cầu với tế bào                        |                     |
| 147. |                                                            | Thử nghiệm điện áp danh định                          |                     |
| 148. |                                                            | Thử nghiệm dung lượng danh định                       |                     |
| 149. |                                                            | Thử nghiệm dung lượng phóng                           |                     |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                               | Tên phép thử                                                                | Phương pháp thử        |
|------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 150. | Pin Lithium cho thiết bị cầm tay                     | Thử nghiệm dung lượng nạp                                                   | QCVN<br>101:2020/BTTTT |
| 151. |                                                      | Thử nghiệm điện trở trong (pin)                                             |                        |
| 152. |                                                      | Thử nghiệm độ bền chu kỳ sống                                               |                        |
| 153. |                                                      | Thử nghiệm phóng tĩnh điện – ESD (pin)                                      |                        |
| 154. |                                                      | Thử nghiệm nạp liên tục tại điện áp không đổi (tế bào)                      |                        |
| 155. |                                                      | Thử nghiệm vỏ pin trong điều kiện sử dụng tại môi trường nhiệt độ cao (pin) |                        |
| 156. |                                                      | Thử nghiệm ngắn mạch ngoài                                                  |                        |
| 157. |                                                      | Thử nghiệm rơi tự do                                                        |                        |
| 158. |                                                      | Thử nghiệm quá nhiệt (tế bào)                                               |                        |
| 159. |                                                      | Thử nghiệm ép (tế bào)                                                      |                        |
| 160. |                                                      | Thử nghiệm nạp quá tải (pin)                                                |                        |
| 161. |                                                      | Thử nghiệm phóng cường bức (tế bào)                                         |                        |
| 162. |                                                      | Thử nghiệm đo rung                                                          |                        |
| 163. |                                                      | Thử nghiệm đo xóc                                                           |                        |
| 164. | Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (E-UTRA) | Thử nghiệm công suất ra cực đại của máy phát                                | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 165. |                                                      | Thử nghiệm mặt nạ phổ phát xạ của máy phát                                  |                        |
| 166. |                                                      | Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát                                         |                        |

| STT  | Tên sản phẩm,<br>hàng hóa                                      | Tên phép thử                                                  | Phương pháp thử        |
|------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------|
| 167. | Thiết bị đầu cuối<br>thông tin di động<br>mặt đất (E-UTRA)     | Thử nghiệm công suất ra<br>cực tiểu của máy phát              | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 168. |                                                                | Thử nghiệm độ chọn lọc<br>kênh lân cận của máy thu            |                        |
| 169. |                                                                | Thử nghiệm đặc tính chặn<br>của máy thu                       |                        |
| 170. |                                                                | Thử nghiệm đáp ứng giả<br>của máy thu                         |                        |
| 171. |                                                                | Thử nghiệm đặc tính xuyên<br>điều chế của máy thu             |                        |
| 172. |                                                                | Thử nghiệm phát xạ giả của<br>máy thu                         |                        |
| 173. |                                                                | Thử nghiệm tỉ số công suất<br>rò kênh lân cận của máy<br>phát |                        |
| 174. |                                                                | Thử nghiệm độ nhạy tham<br>chiếu của máy thu                  |                        |
| 175. |                                                                | Thử nghiệm chức năng<br>điều khiển và giám sát                |                        |
| 176. | Thiết bị đầu cuối<br>thông tin di động<br>mặt đất (W-<br>CDMA) | Thử nghiệm công suất ra<br>cực đại của máy phát               | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 177. |                                                                | Thử nghiệm mặt nạ phổ<br>phát xạ của máy phát                 |                        |
| 178. |                                                                | Thử nghiệm phát xạ giả của<br>máy phát                        |                        |
| 179. |                                                                | Thử nghiệm công suất ra<br>cực tiểu của máy phát              |                        |
| 180. |                                                                | Thử nghiệm độ chọn lọc<br>kênh lân cận của máy thu            |                        |
| 181. |                                                                | Thử nghiệm đặc tính chặn<br>của máy thu                       |                        |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                               | Tên phép thử                                                           | Phương pháp thử        |
|------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 182. | Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (W-CDMA) | Thử nghiệm đáp ứng giả của máy thu                                     | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 183. |                                                      | Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế của máy thu                         |                        |
| 184. |                                                      | Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu                                     |                        |
| 185. |                                                      | Thử nghiệm điều khiển công suất ra khi mất đồng bộ                     |                        |
| 186. |                                                      | Thử nghiệm tỉ số công suất rò kênh lân cận của máy phát                |                        |
| 187. |                                                      | Thử nghiệm độ nhạy tham chiếu của máy thu                              |                        |
| 188. |                                                      | Thử nghiệm chức năng điều khiển và giám sát                            |                        |
| 189. | Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (GSM)    | Thử nghiệm sai số pha và sai số tần số                                 | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 190. |                                                      | Thử nghiệm sai số pha và sai số tần số trong cấu hình đa khe GPRS      |                        |
| 191. |                                                      | Thử nghiệm công suất ra máy phát và định thời cụm                      |                        |
| 192. |                                                      | Thử nghiệm công suất ra máy phát trong cấu hình đa khe GPRS            |                        |
| 193. |                                                      | Thử nghiệm sai số tần số và độ chính xác điều chế trong cấu hình EGPRS |                        |
| 194. |                                                      | Thử nghiệm công suất ra máy phát EGPRS                                 |                        |
| 195. |                                                      | Thử nghiệm Phổ RF đầu ra                                               |                        |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                           | Tên phép thử                                                            | Phương pháp thử        |
|------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 196. | Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (GSM)                | Thử nghiệm phổ RF đầu ra trong cấu hình đa khe GPRS                     | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 197. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả dẫn khi MS được cấp phát kênh                    |                        |
| 198. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả dẫn khi MS trong chế độ rỗi                      |                        |
| 199. |                                                                  | Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu và đáp ứng tạp trên các kênh thoại |                        |
| 200. |                                                                  | Thử nghiệm phổ RF đầu ra trong cấu hình EGPRS                           |                        |
| 201. |                                                                  | Thử nghiệm đặc tính chặn và đáp ứng tạp trong cấu hình EGPRS            |                        |
| 202. | Thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G - Phần truy nhập vô tuyến | Thử nghiệm công suất ngõ ra trạm gốc                                    | QCVN<br>128:2021/BTTTT |
| 203. |                                                                  | Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR                         |                        |
| 204. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động             |                        |
| 205. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả máy phát                                         |                        |
| 206. |                                                                  | Thử nghiệm xuyên điều chế máy phát                                      |                        |
| 207. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả máy thu                                          |                        |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                                                                       | Tên phép thử                                                | Phương pháp thử     |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|
| 208. | Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA                                                                | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động | QCVN 133:2024/BTTTT |
| 209. |                                                                                                                              | Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR             |                     |
| 210. |                                                                                                                              | Thử nghiệm phát xạ giả máy phát                             |                     |
| 211. |                                                                                                                              | Thử nghiệm công suất ngõ ra trạm gốc                        |                     |
| 212. |                                                                                                                              | Thử nghiệm phát xạ giả máy thu                              |                     |
| 213. | Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)                                                                          | Kiểm tra xác định các vùng                                  | QCVN 8:2022/BTTTT   |
| 214. |                                                                                                                              | Thử nghiệm tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng                       |                     |
| 215. | Đài phát thanh, đài truyền hình                                                                                              | Kiểm tra xác định các vùng                                  | QCVN 78:2014/BTTTT  |
| 216. |                                                                                                                              | Thử nghiệm tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng                       |                     |
| 217. | Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)<br>Đài phát thanh, đài truyền hình<br>Trạm viễn thông, trung tâm dữ liệu | Thử nghiệm tổ tiếp đất                                      | QCVN 9:2016/BTTTT   |
| 218. |                                                                                                                              | Kiểm tra tám tiếp đất chính                                 |                     |
| 219. |                                                                                                                              | Kiểm tra cáp tiếp đất                                       |                     |
| 220. |                                                                                                                              | Kiểm tra mạng CBN bên trong trạm viễn thông                 |                     |
| 221. |                                                                                                                              | Kiểm tra mạng liên kết trong hệ thống thiết bị viễn thông   |                     |
| 222. |                                                                                                                              | Kiểm tra kết nối mạng CBN và các mạng MESH-BN               |                     |
| 223. |                                                                                                                              | Kiểm tra cáp kết nối giữa các mạng MESH- BN                 |                     |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                               | Tên phép thử                                                                 | Phương pháp thử    |
|------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 224. | Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)  | Kiểm tra phân phối điện DC của nguồn thứ cấp                                 | QCVN 9:2016/BTTTT  |
| 225. |                                                      | Kiểm tra phân phối điện DC của nguồn cấp ba                                  |                    |
| 226. |                                                      | Kiểm tra phân phối nguồn điện lưới AC và kết nối dây bảo vệ                  |                    |
| 227. |                                                      | Kiểm tra phân phối điện AC từ nguồn điện cấp ba                              |                    |
| 228. | Trạm viễn thông, trung tâm dữ liệu                   | Kiểm tra tính toán rủi ro do sét gây ra đối với trạm viễn thông              | QCVN 32:2020/BTTTT |
| 229. |                                                      | Kiểm tra tính toán rủi ro do sét gây ra đối với mạng cáp ngoại vi viễn thông |                    |
| 230. | Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất | Thử nghiệm thời gian trễ trung bình                                          | QCVN 34:2022/BTTTT |
| 231. |                                                      | Thử nghiệm tốc độ tải dữ liệu trung bình                                     |                    |
| 232. |                                                      | Kiểm tra mức chiếm dụng băng thông                                           |                    |
| 233. |                                                      | Kiểm tra độ khả dụng của dịch vụ                                             |                    |
| 234. |                                                      | Kiểm tra thời gian thiết lập dịch vụ                                         |                    |
| 235. |                                                      | Kiểm tra thời gian khắc phục mất kết nối                                     |                    |
| 236. |                                                      | Kiểm tra khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ                      |                    |
| 237. |                                                      | Kiểm tra hồi âm khiếu nại của khách hàng                                     |                    |
| 238. |                                                      | Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng                                         |                    |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                  | Tên phép thử                                             | Phương pháp thử    |
|------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|
| 239. | Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất | Thử nghiệm tỷ lệ cuộc gọi thiết lập không thành công     | QCVN 35:2019/BTTTT |
| 240. |                                                         | Thử nghiệm độ chính xác ghi cước                         |                    |
| 241. |                                                         | Kiểm tra tỷ lệ cuộc gọi bị tính cước, lập hóa đơn sai    |                    |
| 242. |                                                         | Kiểm tra độ khả dụng của dịch vụ                         |                    |
| 243. |                                                         | Kiểm tra sự cố đường dây thuê bao                        |                    |
| 244. |                                                         | Kiểm tra thời gian chờ sửa chữa sự cố đường dây thuê bao |                    |
| 245. |                                                         | Kiểm tra thời gian thiết lập dịch vụ                     |                    |
| 246. |                                                         | Kiểm tra khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ  |                    |
| 247. |                                                         | Kiểm tra hồi âm khiếu nại của khách hàng                 |                    |
| 248. |                                                         | Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng                     |                    |
| 249. | Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất | Thử nghiệm độ sẵn sàng của mạng vô tuyến                 | QCVN 36:2022/BTTTT |
| 250. |                                                         | Thử nghiệm tỷ lệ cuộc gọi thiết lập không thành công     |                    |
| 251. |                                                         | Thử nghiệm tỷ lệ cuộc gọi bị rơi                         |                    |
| 252. |                                                         | Thử nghiệm chất lượng thoại                              |                    |
| 253. |                                                         | Thử nghiệm độ chính xác ghi cước                         |                    |
| 254. |                                                         | Kiểm tra tỷ lệ cuộc gọi bị tính cước, lập hóa đơn sai    |                    |
| 255. |                                                         | Kiểm tra độ khả dụng của dịch vụ                         |                    |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                           | Tên phép thử                                                               | Phương pháp thử    |
|------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 256. | Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất          | Kiểm tra khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ                    | QCVN 36:2022/BTTTT |
| 257. |                                                                  | Kiểm tra hồi âm khiếu nại của khách hàng                                   |                    |
| 258. |                                                                  | Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng                                       |                    |
| 259. | Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất. | Thử nghiệm độ sẵn sàng của mạng vô tuyến                                   | QCVN 81:2019/BTTTT |
| 260. |                                                                  | Thử nghiệm tỷ lệ truy nhập không thành công dịch vụ                        |                    |
| 261. |                                                                  | Thử nghiệm thời gian trễ trung bình truy nhập dịch vụ                      |                    |
| 262. |                                                                  | Thử nghiệm tỷ lệ truyền tải dữ liệu bị rơi                                 |                    |
| 263. |                                                                  | Thử nghiệm tốc độ tải dữ liệu trung bình                                   |                    |
| 264. |                                                                  | Kiểm tra khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ                    |                    |
| 265. |                                                                  | Kiểm tra hồi âm khiếu nại của khách hàng                                   |                    |
| 266. |                                                                  | Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng                                       |                    |
| 267. | Dịch vụ tin nhắn ngắn trên mạng viễn thông di động mặt đất       | Thử nghiệm tỷ lệ truy nhập thành công dịch vụ tin nhắn                     | QCVN 82:2014/BTTTT |
| 268. |                                                                  | Thử nghiệm thời gian trễ trung bình truy nhập dịch vụ tin nhắn             |                    |
| 269. |                                                                  | Thử nghiệm tỷ lệ gửi nhận tin nhắn thành công                              |                    |
| 270. |                                                                  | Thử nghiệm thời gian gửi nhận tin nhắn trung bình từ đầu cuối đến đầu cuối |                    |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                             | Tên phép thử                                          | Phương pháp thử                                                 |
|------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 271. | Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G | Thử nghiệm độ sẵn sàng của mạng vô tuyến              | QCVN<br>126:2021/BTTTT<br>Sửa đổi 1:2024 QCVN<br>126:2021/BTTTT |
| 272. |                                                                    | Thử nghiệm tỷ lệ truy nhập không thành công dịch vụ   |                                                                 |
| 273. |                                                                    | Thử nghiệm thời gian trễ trung bình truy nhập dịch vụ |                                                                 |
| 274. |                                                                    | Thử nghiệm tỷ lệ truyền tải dữ liệu bị rơi            |                                                                 |
| 275. |                                                                    | Thử nghiệm tốc độ tải dữ liệu trung bình              |                                                                 |
| 276. |                                                                    | Kiểm tra dịch vụ trợ giúp khách hàng                  |                                                                 |

**2. Phòng thử nghiệm tại Chi nhánh miền Nam: Số 45 Trần Lưu, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh**

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                         | Tên phép thử                                      | Phương pháp thử    |
|-----|------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------|
| 1.  | Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD | Thử nghiệm mật nã phổ phát xạ                     | QCVN 16:2018/BTTTT |
| 2.  |                                                | Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận (ACLR) |                    |
| 3.  |                                                | Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát               |                    |
| 4.  |                                                | Thử nghiệm công suất ra cực đại của trạm gốc      |                    |
| 5.  |                                                | Thử nghiệm xuyên điều chế phát                    |                    |
| 6.  |                                                | Thử nghiệm các phát xạ giả của máy thu            |                    |
| 7.  |                                                | Thử nghiệm các đặc tính chặn                      |                    |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                                      | Tên phép thử                                                             | Phương pháp thử    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 8.  | Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD                                              | Thử nghiệm các đặc tính xuyên điều chế của máy thu                       | QCVN 16:2018/BTTTT |
| 9.  |                                                                                             | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu                          |                    |
| 10. |                                                                                             | Thử nghiệm độ nhạy chuẩn                                                 |                    |
| 11. |                                                                                             | Thử nghiệm công suất ngõ ra BS trong nhà để bảo vệ kênh lân cận          |                    |
| 12. | Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện hoạt động trong dải tần số từ 9 kHz đến 30 GHz | Thử nghiệm dung sai tần số                                               | QCVN 47:2015/BTTTT |
| 13. |                                                                                             | Thử nghiệm phát xạ giả                                                   |                    |
| 14. |                                                                                             | Thử nghiệm phát xạ ngoài băng                                            |                    |
| 15. |                                                                                             | Thử nghiệm băng thông chiếm dụng                                         |                    |
| 16. | Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz                          | Thử nghiệm công suất phát RF                                             | QCVN 54:2020/BTTTT |
| 17. |                                                                                             | Thử nghiệm mật độ phổ công suất (đối với thiết bị không phải FHSS)       |                    |
| 18. |                                                                                             | Thử nghiệm chu kỳ làm việc, chuỗi phát, khoảng ngừng phát                |                    |
| 19. |                                                                                             | Thử nghiệm thời gian truyền tích lũy, chuỗi nhảy tần và chiếm giữ tần số |                    |
| 20. |                                                                                             | Thử nghiệm khoảng nhảy tần (đối với thiết bị FHSS)                       |                    |
| 21. |                                                                                             | Thử nghiệm hệ số sử dụng môi trường                                      |                    |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                             | Tên phép thử                                                                      | Phương pháp thử    |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 22. | Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz | Thử nghiệm khả năng thích nghi của thiết bị FHSS thích nghi                       | QCVN 54:2020/BTTTT |
| 23. |                                                                    | Thử nghiệm băng thông kênh chiếm dụng                                             |                    |
| 24. |                                                                    | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong miền ngoài băng (dẫn)       |                    |
| 25. |                                                                    | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong miền giả (dẫn)              |                    |
| 26. |                                                                    | Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu (dẫn)                                          |                    |
| 27. |                                                                    | Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu                                              |                    |
| 28. |                                                                    | Thử nghiệm khả năng thích nghi của thiết bị khác FHSS                             |                    |
| 29. |                                                                    | Kiểm tra khả năng định vị vị trí địa lý                                           |                    |
| 30. | Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz                         | Thử nghiệm tần số trung tâm danh định                                             | QCVN 65:2021/BTTTT |
| 31. |                                                                    | Thử nghiệm băng thông kênh danh định và băng thông kênh chiếm dụng                |                    |
| 32. |                                                                    | Thử nghiệm công suất phát RF, điều khiển công suất phát (TPC) và mật độ công suất |                    |
| 33. |                                                                    | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn ngoài băng tần RLAN 5 GHz (dẫn)                |                    |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                             | Tên phép thử                                                                    | Phương pháp thử     |
|-----|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 34. | Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz                         | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn của máy phát trong băng tần RLAN 5 GHz (dẫn) | QCVN 65:2021/BTTTT  |
| 35. |                                                                    | Thử nghiệm phát xạ giả máy thu (dẫn)                                            |                     |
| 36. |                                                                    | Thử nghiệm lựa chọn tần số động DFS                                             |                     |
| 37. |                                                                    | Thử nghiệm đặc tính chặn máy thu                                                |                     |
| 38. | Thiết bị lắp thông tin di động W-CDMA FDD                          | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động                     | QCVN 66:2018/BTTTT  |
| 39. |                                                                    | Thử nghiệm các phát xạ giả                                                      |                     |
| 40. |                                                                    | Thử nghiệm công suất ra cực đại                                                 |                     |
| 41. |                                                                    | Thử nghiệm xuyên điều chế đầu vào                                               |                     |
| 42. |                                                                    | Thử nghiệm tăng ích ngoài băng                                                  |                     |
| 43. |                                                                    | Thử nghiệm hệ số nén kênh lân cận                                               |                     |
| 44. |                                                                    | Thử nghiệm xuyên điều chế đầu ra                                                |                     |
| 45. | Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA phân truy nhập vô tuyến | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động                     | QCVN 110:2023/BTTTT |
| 46. |                                                                    | Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận (ACLR)                               |                     |
| 47. |                                                                    | Thử nghiệm phát xạ giả máy phát                                                 |                     |
| 48. |                                                                    | Thử nghiệm công suất ra cực đại của trạm gốc                                    |                     |
| 49. |                                                                    | Thử nghiệm xuyên điều chế máy phát                                              |                     |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                             | Tên phép thử                                                                 | Phương pháp thử        |
|-----|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 50. | Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA phần truy nhập vô tuyến | Thử nghiệm phát xạ giả máy thu                                               | QCVN<br>110:2023/BTTTT |
| 51. |                                                                    | Thử nghiệm đặc tính chặn                                                     |                        |
| 52. |                                                                    | Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế máy thu                                   |                        |
| 53. |                                                                    | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận (ACS) và chặn băng hẹp                   |                        |
| 54. |                                                                    | Thử nghiệm công suất ra của trạm gốc trong nhà để bảo vệ kênh UTRA lân cận   |                        |
| 55. |                                                                    | Thử nghiệm công suất ra của trạm gốc trong nhà để bảo vệ kênh E-UTRA lân cận |                        |
| 56. |                                                                    | Thử nghiệm công suất ra của trạm gốc trong nhà để bảo vệ E-UTRA đồng kênh    |                        |
| 57. |                                                                    | Thử nghiệm mức chọn lọc chuẩn                                                |                        |
| 58. | Thiết bị trạm lặp thông tin di động E-UTRA FDD                     | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn băng tần hoạt động                        | QCVN<br>111:2023/BTTTT |
| 59. |                                                                    | Thử nghiệm phát xạ giả                                                       |                        |
| 60. |                                                                    | Thử nghiệm công suất ra cực đại                                              |                        |
| 61. |                                                                    | Thử nghiệm xuyên điều chế đầu vào                                            |                        |
| 62. |                                                                    | Thử nghiệm tăng ích ngoài băng                                               |                        |
| 63. |                                                                    | Thử nghiệm hệ số nén kênh lân cận                                            |                        |
| 64. |                                                                    | Thử nghiệm xuyên điều chế đầu ra                                             |                        |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                               | Tên phép thử                                            | Phương pháp thử        |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|
| 65. | Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (E-UTRA) | Thử nghiệm công suất ra cực đại của máy phát            | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 66. |                                                      | Thử nghiệm mật nà phổ phát xạ của máy phát              |                        |
| 67. |                                                      | Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát                     |                        |
| 68. |                                                      | Thử nghiệm công suất ra cực tiểu của máy phát           |                        |
| 69. |                                                      | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu         |                        |
| 70. |                                                      | Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu                    |                        |
| 71. |                                                      | Thử nghiệm đáp ứng giả của máy thu                      |                        |
| 72. |                                                      | Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế của máy thu          |                        |
| 73. |                                                      | Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu                      |                        |
| 74. |                                                      | Thử nghiệm tỉ số công suất rò kênh lân cận của máy phát |                        |
| 75. |                                                      | Thử nghiệm độ nhạy tham chiếu của máy thu               |                        |
| 76. |                                                      | Thử nghiệm chức năng điều khiển và giám sát             |                        |
| 77. | Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (W-CDMA) | Thử nghiệm công suất ra cực đại của máy phát            | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 78. |                                                      | Thử nghiệm mật nà phổ phát xạ của máy phát              |                        |
| 79. |                                                      | Thử nghiệm phát xạ giả của máy phát                     |                        |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                           | Tên phép thử                                            | Phương pháp thử        |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|
| 80. | Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (W-CDMA)             | Thử nghiệm công suất ra cực tiểu của máy phát           | QCVN<br>117:2023/BTTTT |
| 81. |                                                                  | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận của máy thu         |                        |
| 82. |                                                                  | Thử nghiệm đặc tính chặn của máy thu                    |                        |
| 83. |                                                                  | Thử nghiệm đáp ứng giả của máy thu                      |                        |
| 84. |                                                                  | Thử nghiệm đặc tính xuyên điều chế của máy thu          |                        |
| 85. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả của máy thu                      |                        |
| 86. |                                                                  | Thử nghiệm điều khiển công suất ra khi mất đồng bộ      |                        |
| 87. |                                                                  | Thử nghiệm tỉ số công suất rò kênh lân cận của máy phát |                        |
| 88. |                                                                  | Thử nghiệm độ nhạy tham chiếu của máy thu               |                        |
| 89. |                                                                  | Thử nghiệm chức năng điều khiển và giám sát             |                        |
| 90. | Thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G - Phần truy nhập vô tuyến | Thử nghiệm công suất ngõ ra trạm gốc                    | QCVN<br>128:2021/BTTTT |
| 91. |                                                                  | Thử nghiệm công suất ON/OFF máy phát                    |                        |
| 92. |                                                                  | Thử nghiệm thời gian chuyển trạng thái máy phát         |                        |
| 93. |                                                                  | Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR         |                        |



| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                           | Tên phép thử                                                | Phương pháp thử        |
|------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------|
| 94.  | Thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G - Phần truy nhập vô tuyến | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động | QCVN<br>128:2021/BTTTT |
| 95.  |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả máy phát                             |                        |
| 96.  |                                                                  | Thử nghiệm xuyên điều chế máy phát                          |                        |
| 97.  |                                                                  | Thử nghiệm độ nhạy thu                                      |                        |
| 98.  |                                                                  | Thử nghiệm độ chọn lọc kênh lân cận ACS                     |                        |
| 99.  |                                                                  | Thử nghiệm chặn trong băng                                  |                        |
| 100. |                                                                  | Thử nghiệm chặn ngoài băng                                  |                        |
| 101. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả máy thu                              |                        |
| 102. |                                                                  | Thử nghiệm xuyên điều chế máy thu                           |                        |
| 103. |                                                                  | Thử nghiệm chọn lọc kênh                                    |                        |
| 104. | Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA    | Thử nghiệm phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động | QCVN<br>133:2024/BTTTT |
| 105. |                                                                  | Thử nghiệm tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR             |                        |
| 106. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả máy phát                             |                        |
| 107. |                                                                  | Thử nghiệm công suất ngõ ra trạm gốc                        |                        |
| 108. |                                                                  | Thử nghiệm xuyên điều chế máy phát                          |                        |
| 109. |                                                                  | Thử nghiệm phát xạ giả máy thu                              |                        |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                                                                       | Tên phép thử                                                        | Phương pháp thử     |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 110. | Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA                                                                | Thử nghiệm chặn trong băng                                          | QCVN 133:2024/BTTTT |
| 111. |                                                                                                                              | Thử nghiệm chặn ngoài băng/đặc tính chặn                            |                     |
| 112. |                                                                                                                              | Thử nghiệm xuyên điều chế máy thu                                   |                     |
| 113. |                                                                                                                              | Thử nghiệm chặn băng hẹp                                            |                     |
| 114. |                                                                                                                              | Thử nghiệm chọn lọc kênh lân cận (ACS), chặn chung và chặn băng hẹp |                     |
| 115. |                                                                                                                              | Thử nghiệm mức độ nhạy thu tham chiếu                               |                     |
| 116. | Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)                                                                          | Kiểm tra xác định các vùng                                          | QCVN 8:2022/BTTTT   |
| 117. |                                                                                                                              | Thử nghiệm tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng                               |                     |
| 118. | Đài phát thanh, đài truyền hình                                                                                              | Kiểm tra xác định các vùng                                          | QCVN 78:2014/BTTTT  |
| 119. |                                                                                                                              | Thử nghiệm tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng                               |                     |
| 120. | Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)<br>Đài phát thanh, đài truyền hình<br>Trạm viễn thông, trung tâm dữ liệu | Thử nghiệm tổ tiếp đất                                              | QCVN 9:2016/BTTTT   |
| 121. |                                                                                                                              | Kiểm tra tấm tiếp đất chính                                         |                     |
| 122. |                                                                                                                              | Kiểm tra cáp tiếp đất                                               |                     |
| 123. |                                                                                                                              | Kiểm tra mạng CBN bên trong trạm viễn thông                         |                     |
| 124. |                                                                                                                              | Kiểm tra mạng liên kết trong hệ thống thiết bị viễn thông           |                     |
| 125. |                                                                                                                              | Kiểm tra kết nối mạng CBN và các mạng MESH-BN                       |                     |
| 126. |                                                                                                                              | Kiểm tra cáp kết nối giữa các mạng MESH- BN                         |                     |

| STT  | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                                                                       | Tên phép thử                                                                 | Phương pháp thử    |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 127. | Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)<br>Đài phát thanh, đài truyền hình<br>Trạm viễn thông, trung tâm dữ liệu | Kiểm tra phân phối điện DC của nguồn thứ cấp                                 | QCVN 9:2016/BTTTT  |
| 128. |                                                                                                                              | Kiểm tra phân phối điện DC của nguồn cấp ba                                  |                    |
| 129. |                                                                                                                              | Kiểm tra phân phối nguồn điện lưới AC và kết nối dây bảo vệ                  |                    |
| 130. |                                                                                                                              | Kiểm tra phân phối điện AC từ nguồn điện cấp ba                              |                    |
| 131. |                                                                                                                              | Kiểm tra tính toán rủi ro do sét gây ra đối với trạm viễn thông              | QCVN 32:2020/BTTTT |
| 132. |                                                                                                                              | Kiểm tra tính toán rủi ro do sét gây ra đối với mạng cáp ngoại vi viễn thông |                    |